Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PHÚ THỌ

Phụ lục 1

Công tác tham mưu, chỉ đạo giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	NỘI DUNG THAM MƯU	Ghi chú
I	**Chủ trương của Tỉnh ủy**	
1	Nghị Quyết 11-NQ/TU ngày 10/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035	
2	Nghị quyết số 65-NQ/TU ngày 16/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ về đề án nâng cao năng lực hoạt động ngành y tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	
3	Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 21/6/2023 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình về nâng cao chất lượng, năng lực khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2023 - 2025 và định hướng đến năm 2030	
II	**Chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh**	
1	Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh về hỗ trợ cho người tham gia BHYT có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020 - 2025	
2	Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh Phú Thọ về hỗ trợ tiền đóng BHYT đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo trên địa bàn tỉnh	
3	Nghị quyết số 294/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh Hòa Bình về hỗ trợ tăng thêm ngoài mức hỗ trợ tối thiểu đóng BHYT quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018	
4	Nghị quyết số 224/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh Hòa Bình quy định mức hỗ trợ tăng thêm ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	
5	Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/6/2024 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện, BHYT cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, theo đó hỗ trợ 100% kinh phí khi mua 01 thẻ BHYT	
6	Nghị quyết số 338/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Hòa Bình quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh Hoà Bình, giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030	
7	16/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc quy định một số chính sách hỗ trợ cộng tác Dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025	
8	Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ quy định mức bồi dưỡng đối với nhân viên y tế tại khu dân cư thuộc phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	

9	Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 15/8/2021 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về một số chính sách đặc thù xây dựng đội ngũ trí thức và thu hút, trọng dụng người có tài năng tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025	
10	Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ quy định chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực y tế làm việc tại các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý	
11	Nghị quyết 508/2025/NQ-HĐND (03/04/2025) của HĐND tỉnh Hòa Bình quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực nâng cao năng lực khám, chữa bệnh năm 2025 - 2026.	
12	Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND, ngày 21/12/2021 cảu HĐND tỉnh Vĩnh Phúc quy định mức trợ giúp xã hội hàng tháng cho người cao tuổi từ đủ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, không có lương hưu, trợ cấp bảo trợ xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh	
13	Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc quy định chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	
III	**Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh**	
1	Quyết định 3091/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực hoạt động ngành y tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	
2	Quyết định 485/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035	
3	Quyết định số 2913/QĐ-UBND (12/12/2023) của UBND tỉnh Hòa Bình Ban hành Đề án "Nâng cao chất lượng, năng lực khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2023 - 2025 và định hướng đến 2030".	

Phụ lục 2
Khối bệnh viện đa khoa công lập tuyến tỉnh
(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên cơ sở khám chữa bệnh	Số khoa, phòng	Hạng/cấp chuyên môn	Giường kế hoạch 2025	Giường thực kê
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	41	I/cơ bản	1.500	1.500
1.1	*Trung tâm Ung bướu*				
1.2	*Trung tâm Tim mạch*				
1.3	*Trung tâm Đột quỵ*				
1.4	*Trung tâm Thận - lọc máu*				
1.5	*Trung tâm Y - Dược cổ truyền và PHCN*				
1.6	*Trung tâm Huyết học - Truyền máu*				
1.7	*Trung tâm Xét nghiệm*				
1.8	*Trung tâm KCB chất lượng cao*				
1.9	*Trung tâm Đào tạo - CĐT*				
1.10	*Trung tâm CĐHA và Điện quang can thiệp*				
1.11	*Trung tâm Chấn thương chỉnh hình*				
1.12	*Trung tâm Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh*				
1.13	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ cơ sở 2 (BV Xây dựng Việt Trì cũ).			250	170
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Phú Thọ	24	II/cơ bản	500	500
3	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc	470	I/chuyên sâu	1.300	1.603
3.1	*Trung tâm Ung bướu thuộc BVĐK Vĩnh Phúc*				
3.2	*Trung tâm Tim mạch thuộc BVĐK Vĩnh Phúc*				
4	Bệnh viện Đa khoa Phúc Yên	43	I/chuyên sâu	850	1.350
	Trung tâm Tim mạch thuộc BVĐK Phúc Yên				
5	Bệnh viện Giao thông Vĩnh Phúc	15	III/cơ bản	210	210
6	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	45	I/cơ bản	905	935
Tổng				**5.515**	**6.268**

Phụ lục 3
Khối bệnh viện chuyên khoa công lập tuyến tỉnh
(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên cơ sở khám chữa bệnh	Số khoa, phòng	Hạng/cấp chuyên môn	Giường kế hoạch 2025	Giường thực kê
1	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ	27	I/cơ bản	630	630
1.1	*Trung tâm Hỗ trợ sinh sản và Nam học*				
1.2	*Trung tâm Tiêm chủng*				
2	Bệnh viện Y dược cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ	12	II/cơ bản	450	450
3	Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ	14	II/cơ bản	110	110
4	Bệnh viện Phổi tỉnh Phú Thọ	12	II/cơ bản	200	220
5	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ	13	II/cơ bản	220	220
6	Bệnh viện Sản Nhi Vĩnh Phúc	34	II/cơ bản	500	529
6.1	*Trung tâm IVF*	1			
7	Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc	15	II/cơ bản	200	300
7.1	*Trung tâm đông dược*	1			
8	Bệnh viện Phục hồi chức năng Vĩnh Phúc	15	II/cơ bản	150	215
9	Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Phúc	11	III/cơ bản	120	166
10	Bệnh viện Y học cổ truyền Hòa Bình	7	II/cơ bản	100	100
11	Bệnh viện Phổi 74	26	I/cơ bản	495	495
Tổng				**3.175**	**3.435**

Phụ lục 4
Khối các Trung tâm Y tế khu vực
(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên cơ sở khám chữa bệnh	Số khoa, phòng	Hạng/cấp chuyên môn	Giường kế hoạch 2025	Giường thực kê
1	Trung tâm Y tế khu vực Việt Trì	7		**0**	**0**
2	Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông	19	II/cơ bản	380	400
3	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Thủy	20	I/cơ bản	500	500
4	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Sơn	19	II/cơ bản	500	500
5	Trung tâm Y tế khu vực Tân Sơn	18	II/cơ bản	280	307
6	Trung tâm Y tế khu vực Yên Lập	17	II/cơ bản	340	340
7	Trung tâm Y tế khu vực Cẩm Khê	20	I/cơ bản	500	530
8	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Ba	23	I/cơ bản	500	450
9	Trung tâm Y tế khu vực Hạ Hòa	20	II/cơ bản	500	451
10	Trung tâm Y tế khu vực Đoan Hùng	19	II/cơ bản	500	450
11	Trung tâm Y tế khu vực Phù Ninh	19	II/cơ bản	380	380
12	Trung tâm Y tế khu vực Lâm Thao	18	II/cơ bản	380	380
13	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Yên	17	III/cơ bản	100	120
14	Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên	16	III/cơ bản	100	140
15	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Tường	27	II/cơ bản	300	378
16	Trung tâm Y tế khu vực Yên Lạc	19	III/cơ bản	250	260
17	Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên	19	III/cơ bản	200	200
18	Trung tâm Y tế khu vực Tam Đảo	19	III/cơ bản	150	170
19	Trung tâm Y tế khu vực Tam Dương	20	II/cơ bản	250	270
20	Trung tâm Y tế khu vực Sông Lô	20	III/cơ bản	200	200
21	Trung tâm Y tế khu vực Lập Thạch	22	III/cơ bản	200	200
22	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình	16	II/cơ bản	150	150
23	Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc	16	II/cơ bản	200	265
24	Ttrung tâm Y tế khu vực Đà Bắc	13	II/cơ bản	142	215
25	Trung tâm Y tế khu vực Mai Châu	16	II/cơ bản	160	242
26	Trung tâm Y tế khu vực Lạc Sơn	16	II/cơ bản	265	265
27	Trung tâm Y tế khu vực Cao Phong	16	II/cơ bản	100	140
28	Trung tâm Y tế khu vực Lạc Thủy	16	II/cơ bản	158	281
29	Trung tâm Y tế khu vực Kim Bôi	16	II/cơ bản	240	240
30	Trung tâm Y tế khu vực Yên Thủy	16	II/cơ bản	150	150
31	Trung tâm Y tế khu vực Lương Sơn	17	II/cơ bản	140	165
Tổng				**8.215**	**8.739**

Phụ lục 5
Khối y tế ngoài công lập – Bệnh viện tư nhân
(Kèm theo Quyết định số:1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên cơ sở khám chữa bệnh	Số khoa, phòng	Hạng/cấp chuyên môn	Giường kế hoạch 2025	Giường thực kê
1	Bệnh viện Đa khoa Việt Đức	27	III/cơ bản	350	350
2	Bệnh viện Đa khoa Hùng Vương	24	III/cơ bản	400	530
3	Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Thọ	8	III/cơ bản	14	29
4	Bệnh viện hữu nghị Lạc Việt	24	III/cơ bản	370	400
4.1	*Trung tâm ung bướu*				
5	Bệnh viện hữu nghị Lạc Việt Phúc Yên	10	III/cơ bản	60	60
6	Bệnh viện Vĩnh Phúc VPI	12	III/cơ bản	79	79
7	Bệnh viện Mắt Trường Phúc	9	III/cơ bản	21	21
8	Bệnh viện Mắt Hà Nội - Vĩnh Phúc	8	III/cơ bản	10	10
9	Bệnh viện Đa khoa Nam Lương Sơn	12	II/cơ bản	44	90
10	Bệnh viện Mắt Thái Hà - Hòa Bình	4	III/cơ bản	21	21
Tổng				**1.369**	**1.590**

Phụ lục 6

Thực hiện các chỉ tiêu pháp lệnh, chỉ số đánh giá hệ thống y tế

(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trước hợp nhất			Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu quốc gia năm 2025
			Hòa Bình	Phú Thọ	Vĩnh Phúc		
1	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	%	97,2	99,5	98,5	97,9	>95
2	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	95,25	94	95	95,1	95
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc	%	93,4	100	100	100	92,4
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể thấp còi)	%	22,2	18,3	14,3	17,1	17
5	Tỷ suất tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ ra sống	ca	Không có TVM	Không có TVM	14,02	2,4	42
6	Tỷ suất tử vong TE dưới 1 tuổi/1.000 TĐS	‰	1,35	1,31	0,56	1,15	11,2
7	Tỷ suất tử vong TE dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống	‰	2,29	2,2	0,56	1,7	18,5
8	Tổng tỷ suất sinh	Con/phụ nữ				2,2	2,1
9	Tỷ lệ giới tính khi sinh	Bé trai/100 bé gái				110,53	111

Phụ lục 7
Tình hình tự chủ tài chính
(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên đơn vị	Mức độ tự chủ năm 2025
A. Khu vực Phú Thọ		
1	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Phú Thọ	Nhóm 1
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	Nhóm 2
3	TTYT khu vực Thanh Thủy	Nhóm 2
4	TTYT khu vực Thanh Ba	Nhóm 2
5	TTYT khu vực Cẩm Khê	Nhóm 2
6	Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ	Nhóm 2
7	TTYT khu vực Tân Sơn	Nhóm 3
8	TTYT khu vực Phù Ninh	Nhóm 3
9	TTYT khu vực Thanh Sơn	Nhóm 3
10	TTYT khu vực Đoan Hùng	Nhóm 3
11	TTYT khu vực Tam Nông	Nhóm 3
12	TTYT khu vực Hạ Hòa	Nhóm 3
13	TTYT khu vực Lâm Thao	Nhóm 3
14	TTYT khu vực Yên Lập	Nhóm 3
15	TTYT khu vực Việt Trì	Nhóm 3
16	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ	Nhóm 3
17	Bệnh viện YDCT&PHCN tỉnh Phú Thọ	Nhóm 3
18	Bệnh viện Phổi tỉnh Phú Thọ	Nhóm 3
19	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	Nhóm 3
20	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	Nhóm 3
21	Trung tâm Pháp Y tỉnh Phú Thọ	Nhóm 3
22	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Phú Thọ	Nhóm 3
23	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Phú Thọ	Nhóm 3
24	Trung tâm trợ giúp xã hội tỉnh Phú Thọ	Nhóm 4
25	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ	Nhóm 4
B. Khu vực Vĩnh Phúc		
26	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc	Nhóm 2
27	Bệnh viện Đa khoa Phúc Yên	Nhóm 2
28	Bệnh viện Sản Nhi Vĩnh Phúc	Nhóm 2

29	Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Phúc	Nhóm 2
30	Bệnh viện Phục hồi chức năng Vĩnh Phúc	Nhóm 2
31	Bệnh viện Giao thông Vĩnh Phúc	Nhóm 2
32	Trung tâm Công tác xã hội Vĩnh Phúc	Nhóm 2
33	Trung tâm Nuôi dưỡng và PHCN người tâm thần Vĩnh Phúc	Nhóm 2
34	TTYT khu vực Vĩnh Yên	Nhóm 2
35	TTYT khu vực Phúc Yên	Nhóm 2
36	TTYT khu vực Vĩnh Tường	Nhóm 2
37	TTYT khu vực Yên Lạc	Nhóm 2
38	TTYT khu vực Bình Xuyên	Nhóm 2
39	TTYT khu vực Tam Đảo	Nhóm 2
40	TTYT khu vực Tam Dương	Nhóm 2
41	TTYT khu vực Sông Lô	Nhóm 2
42	TTYT khu vực Lập Thạch	Nhóm 2
43	Bệnh viện Tâm thần Vĩnh Phúc	Nhóm 4
44	Bệnh viện 74 Trung ương	Nhóm 3
C. Khu vực Hòa Bình		
45	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	Nhóm 2
46	TTYT khu vực Tân Lạc	Nhóm 3
47	TTYT khu vực Lạc Sơn	Nhóm 3
48	TTYT khu vực Lạc Thủy	Nhóm 3
49	TTYT khu vực Kim Bôi	Nhóm 3
50	TTYT khu vực Mai Châu	Nhóm 3
51	TTYT khu vực Cao Phong	Nhóm 3
52	Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình	Nhóm 3
53	Bệnh viện Y học cổ truyền Hòa Bình	Nhóm 3
54	TTYT khu vực Hòa Bình	Nhóm 3
55	TTYT khu vực Đà Bắc	Nhóm 3
56	TTYT khu vực Yên Thủy	Nhóm 3
57	TTYT khu vực Lương Sơn	Nhóm 3
58	Trung tâm Công tác xã hội Hòa Bình	Nhóm 4

Phụ lục 8

CÁC CHỈ TIÊU ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số:1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Chỉ tiêu, chỉ số	Đơn vị tính	Năm 2025		Năm 2030	
			Phú Thọ	Chỉ tiêu toàn quốc	Phú Thọ	Toàn quốc
1	Số bác sĩ/1 vạn dân	Bác sĩ	13,24	15	19	19
2	Số dược sĩ đại học/1 vạn dân	Dược sĩ	5,18	3,4	6	4
3	Điều dưỡng/1 vạn dân	Điều dưỡng	17	25	33	33
4	Giường bệnh/vạn dân	Giường	45,4	33	50	35
5	Tỷ lệ trẻ em <1 tuổi tiêm chủng đầy đủ	%	97,9	≥ 95	≥ 98	≥ 95
6	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%			100	100
7	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	95,1	95	100	100
8	Tỉ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	95	95	100	100
9	Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi ở nam	cm	167	167	168,5	168,5
10	Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi ở nữ	cm	156	156	157,5	157,5
11	Tuổi thọ trung bình	Năm	74,5	74,5	76	75
12	Số năm sống khỏe	Năm	66	≥67	69	68
13	Tỷ lệ trạm y tế cấp xã triển khai dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	95		100	100
14	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	92,94	80	≥ 98	90
15	Tỷ số tử vong mẹ	/100,000 trẻ đẻ sống	2,4	42	<38	38

16	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	1,15	11,2	<10	10
17	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	1,7	18	<15	15
18	Tổng tỷ suất sinh	Con/phụ nữ	2,2	2,1	2,1	2,1
19	Tỉ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát	%	74,8	70	90	90
20	Tỷ số giới tính khi sinh (bé trai/100 bé gái)	Trẻ	110,53	111	109	109
21	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	10,1	11	9,2	9,2
22	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	17,1	17	15	15
23	Tỷ lệ khám chữa bệnh tại Trạm Y tế xã	%	10,7		>20	>20
24	Tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử	%	25		100	100
25	Tỷ lệ người dân khám sức khỏe định kỳ hoặc sàng lọc miễn phí tối thiểu 01 lần/năm	%			100	100
26	Tăng số đơn vị xếp cấp chuyên môn kỹ thuật chuyên sâu của các đơn vị KCB	Đơn vị	2		5	
27	Hạng bệnh viện					
27.1	Hạng đặc biệt	Đơn vị	0		1	
27.2	Hạng 1	Đơn vị	8		8	
27.3	Hạng 2	Đơn vị	30		33	
27.4	Hạng 3	Đơn vị	6		6	
28	Mức độ tự chủ					
28.1	Nhóm 1	Đơn vị	1		1	
28.2	Nhóm 2	Đơn vị	23		35	
28.3	Nhóm 3	Đơn vị	30		15	
28.4	Nhóm 4	Đơn vị	4		7	

Phụ lục 9

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT, GIƯỜNG BỆNH CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ Y TẾ CẤP TỈNH ĐẾN NĂM 2030 ĐỊNH HƯỚNG TỚI NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Đơn vị	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Diện tích đất hiện trạng (m2)	Quy mô giường bệnh năm 2025	Quy hoạch phát triển đến năm 2030			Ghi chú
					Giường bệnh	Diện tích đất tối thiểu theo tiêu chuẩn (m2)	Nhu cầu diện tích đất cần QH (m2)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
	SỞ Y TẾ		**1,329,696**	**16,805**	**20,635**		**590,000**	
A	**KHỐI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NGÀNH**							
1	**Cơ quan Sở Y tế tỉnh Phú Thọ**		9,581				10,000	QH xây dựng mới
1.1	***Trụ sở chính***	Đường Trần Phú, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	2,853					
1.2	***Cơ sở 2 KV Vĩnh Phúc***	Số 12 Hai Bà Trưng - phường Vĩnh Phúc	2,917					
1.3	***Cơ sở 3 KV Hòa Bình***	Số 98 đường Trần Hưng Đạo - phường Hoà Bình - tỉnh Phú Thọ	3,811					Bàn giao cho Bệnh viện y học cổ truyền Hòa Bình, bổ sung chức năng phục hồi chức năng

2	**Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Phú Thọ**		4,019	-	-	-	-	Xây dựng khu Liên cơ
2.1	**Cơ sở 1** - Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Phú Thọ	Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	2,616					
2.2	**Cơ sở 2** - Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh Phú Thọ - khu vực Vĩnh Phúc	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ						Bàn giao cho Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Phú Thọ quản lý, sử dụng
2.3	**Cơ sở 3:** Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Phú Thọ - khu vực Hòa Bình	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	1,403					Giao lại cho địa phương quản lý
3	**Chi cục Dân số tỉnh Phú Thọ**		4,891	-	-	-	-	Xây dựng khu Liên cơ
3.1	***Cơ sở 1 (trụ sở chính)***	Số 83, Khu 9, Đường Nguyễn Tất Thành, tỉnh Phú Thọ	2,883					
3.2	***Cơ sở 2***	Số 556, Trần Hưng Đạo, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Cũ)	1,000					Giao lại cho địa phương quản lý
3.3	***Cơ sở 3***	Số 355, đường Mê Linh, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	1,008					Giao lại cho địa phương quản lý
4	**Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ**		24,519				20,000	Xây dựng khu Liên cơ
4.1	***Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ - khu vực Hòa Bình***		10,182					Hoạt động tại 03 khu vực
4.2	***Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ - khu vực Phú Thọ***		7,180					

4.3	***Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ - khu vực Vĩnh Phúc***		7,157					
5	**Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Phú Thọ**		2,608		-	-	-	Xây dựng khu Liên cơ
5.1	***Cơ sở Phú Thọ (trụ sở chính)***	Khu Minh Tân, Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	2,863					Hoạt động tại 03 khu vực
5.2	***Cơ sở Vĩnh Phúc***	Số 35 Chu Văn An - Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	1,175					
5.3	***Cơ sở Hòa Bình***	Tổ 10, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	1,434					Đề nghị điều chuyển về cho BVĐK Hòa Bình quản lý, sử dụng PV nhu cầu mở rộng bệnh viện
6	**Trung tâm Pháp y tỉnh Phú Thọ**		3,186					Xây dựng khu Liên cơ
6.1	***Trụ sở chính***	Đường Tô Hiến Thành, phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ	3,186					Trụ sở chính
6.2	***Cơ sở 2***	Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ						Hiện đang xin cấp trụ sở mới cùng với Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Phú Thọ

6.3	***Cơ sở 3***	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ						Trụ sở cũ của Trung tâm Pháp y tỉnh Phú Thọ - Cơ sở Hòa Bình chưa được giao và hiện đang ở cùng trụ sở Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ - Cơ sở Hòa Bình. Đề xuất giao trụ sở mới hoặc ở ghép cùng một đơn vị y tế trong ngành
7	**Trung tâm kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm thực phẩm Phú Thọ**		5,028		-	-	-	
7.1	***Cơ sở 1 (Cơ sở Việt Trì)***	Tổ 7, Khu Bảo Đà, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1,000					Hoạt động tại 03 khu vực
7.2	***Cơ sở 2 (Cơ sở Vĩnh Phúc)***	Số 37, đường Chu Văn An, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	2,116					
7.3	***Cơ sở 3 (cơ sở Hoà Bình)***	Số 99, đường Điện Biên Phủ, Tổ 9, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	1,912					
8	**Bệnh viện Phổi tỉnh Phú Thọ**	Số 402, khu Thanh Bình, Phường Âu Cơ, tỉnh Phú Thọ	13,617	170	200	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
9	**Bệnh viện Tâm thần tỉnh Phú Thọ**	Số 68, đường Cao Bang, Phường Âu Cơ, tỉnh Phú Thọ	7,759	220	300	25,000	25,000	Dự kiến QH ra vị trí mới (đã có vị trí nghiên cứu QH)

10	**Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ**	Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ	67,446	630	1,000	40,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
11	**Trung tâm Trợ giúp xã hội tỉnh Phú Thọ**	Xã Chân Mộng - tỉnh Phú Thọ	235,407					Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
12	**Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ**	Phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ	8,906	110	110	10,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
13	**Bệnh viện Y dược cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Phú Thọ**	Đường Trần Phú, Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	20,017	450	450	36,000	16,000	Dự kiến QH mở rộng lấy hết phần đất của Chi cục ATTP và Trung tâm CDC (Sau khi các đơn vị này được đầu tư Xd tại khu Liên cơ mới)
14	**Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ**	Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	29,915	1,500	2,000	40,000	100,000	Sáp nhập Bệnh viện Xây dựng Việt Trì vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ; Dự kiến QH mở rộng sang phần đất Trường CĐ thực phẩm với diện tích khoảng 6,6 ha
14.1	***Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ cơ sở 2 - Bệnh viện Xây dựng Việt Trì (cũ)***	***Phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ***	*3,924*	*250*				
16	**Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ**	Số 69, 70, đường Cao Bang, phường Âu Cơ, tỉnh Phú Thọ	28,185	500	500	36,000	36,000	Mở rộng ra phía đằng sau Bệnh viện và dự kiến sẽ lấy phần đất Bệnh viện tâm thần tỉnh Phú Thọ sau khi được QH & đầu tư ra vị trí mới

17	**Trung tâm Y tế khu vực Việt Trì**	Phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ	1,380	-				
18	**Trung tâm Y tế khu vực Tam Nông**	Xã Vạn Xuân, tỉnh Phú Thọ	7,417	380	350	25,000	30,000	Dự kiến QH ra vị trí mới (đã có vị trí nghiên cứu QH)
19	**Trung tâm Y tế khu vực Thanh Thủy**	Xã Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	10,218	500	500	36,000	40,000	Dự kiến QH ra vị trí mới (đã có vị trí nghiên cứu QH)
20	**Trung tâm Y tế khu vực Thanh Sơn**	Xã Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	19,556	500	500	36,000	36,000	Dự kiến nghiên cứu QH ra vị trí mới giai đoạn sau năm 2030
21	**Trung tâm Y tế khu vực Tân Sơn**	Xã Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	13,265	280	300	25,000	10,000	Nghiên cứu QH mở rộng thêm phía sau
22	**Trung tâm Y tế khu vực Yên Lập**	Xã Yên Lập, tỉnh Phú Thọ	15,600	340	300	25,000	10,000	Nghiên cứu QH mở rộng thêm phía sau
23	**Trung tâm Y tế khu vực Cẩm Khê**	Xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	16,368	500	500	36,000	36,000	Dự kiến nghiên cứu QH ra vị trí mới giai đoạn sau năm 2030
24	**Trung tâm Y tế khu vực Thanh Ba**	Xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	27,139	500	400	36,000	9,000	Nghiên cứu QH mở rộng thêm phía sau
25	**Trung tâm Y tế khu vực Hạ Hòa**	Xã Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	19,200	500	400	36,000	16,000	Nghiên cứu QH mở rộng thêm phía sau

26	**Trung tâm Y tế khu vực Đoan Hùng**	Xã Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	25,375	500	350	36,000	10,000	Nghiên cứu QH mở rộng thêm phía sau
27	**Trung tâm Y tế khu vực Phù Ninh**	Xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	16,572	380	350	25,000	9,000	Đã có phương án mở rộng lấy thêm phần đất tru sở UBND xã (hiện nay đã được giao quản lý) khoảng 1,2 ha
28	**Trung tâm Y tế khu vực Lâm Thao**	Xã Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	11,927	380	350	25,000	14,000	Nghiên cứu QH mở rộng thêm phía sau
29	**Bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc**	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	49,452	1,300	1,800	40,000	32,000	QH mở rộng sang phần đất Trường trung cấp y tế và Trường CĐ nghề (cũ) với diện tích khoảng 3,2 ha, đã được UBND tỉnh đồng ý chủ trương
30	**Bệnh viên đa khoa Phúc Yên**	Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ	26,035	850	1,050	40,000	66,000	QH ra vị trí mới sau năm 2030, đã có vị trí mới phù hợp QH sử dụng đất, QHC, QHPK được UBND tỉnh phê duyệt
31	**Bệnh viện Sản Nhi Vĩnh Phúc**	Xã Hội Thịnh và xã Tề Lỗ, tỉnh Phú Thọ		500	500	40,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
32	**Bệnh viện PHCN Vĩnh Phúc**	Phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ	35,589	150	250	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng

33	**Bệnh viện Y dược cổ truyền Vĩnh Phúc**	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	28,773	200	300	25,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
34	**Bệnh viện Giao thông Vĩnh Phúc**	Xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ	15,934	210	250	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
35	**Bệnh viện tâm thần Vĩnh Phúc**	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	43,388	120	200	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
36	**Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Yên**	Phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ	3,072	100	100	10,000	15,000	QH ra vị trí mới, đã có vị trí mới phù hợp QH sử dụng đất, QHC, QHPK được UBND tỉnh phê duyệt
37	**Trung tâm Y tế khu vực Phúc Yên**	Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ	17,145	100	150	10,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
38	**Trung tâm Y tế khu vực Bình Xuyên**	Xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ	12,990	200	200	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
39	**Trung tâm Y tế khu vực Lập Thạch**	Xã Lập Thạch, tỉnh Phú Thọ	19,276	200	200	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
40	**Trung tâm Y tế khu vực Tam Dương**	Xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ	24,658	250	300	25,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng

41	**Trung tâm Y tế khu vực Tam Đảo**	Xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ		150	200	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
42	**Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Tường**	Xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ	20,852	300	300	25,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
43	**Trung tâm Y tế khu vực Yên Lạc**	Xã Yên Lạc, tỉnh Phú Thọ	21,880	180	300	25,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
44	**Trung tâm Y tế khu vực Sông Lô**	Xã Tam Sơn, tỉnh Phú Thọ	31,515	200	200	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
45	**Trung tâm Công tác xã hội Vĩnh Phúc**	Phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ	26,800					Gồm CS1 là 2,5 ha và CS2 là 0,18 ha ;Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
46	**Trung tâm Nuôi dưỡng & PHCN người tâm thần Vĩnh Phúc**	Xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ	48,223					Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
47	**Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ**	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	1,032					Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
48	**Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình**	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	41,400	905	1,200	40,000		Dự kiến mở rộng lấy phần đất củaTrung tâm pháp y, trung tâm giám định y khoa, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh

49	**Bệnh viện Y học cổ truyền Hòa Bình**	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	9,680	100	200	12,000 đến 15,000		Quy hoạch mở rộng sang phần đất của trụ sở Sở Y tế tỉnh Phú Thọ cơ sở Hòa Bình, bổ sung chức năng phục hồi chức năng
50	**Trung tâm Y tế khu vực Mai Châu**	Tiểu khu 4, xã Mai Châu, tỉnh Phú Thọ.	17,517	160	300	25,000		QH mở rộng ra phía sau Trung tâm y tế
51	**Trung tâm Y tế khu vực Kim Bôi**	Khu Sào, xã Kim Bôi, tỉnh Phú Thọ	20,000	240	300	25,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
52	**Trung tâm Y tế khu vực Yên Thủy**	đường Trần Hưng Đạo, khu phố An Bình, xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ	25,000	150	180	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
53	**Trung tâm Y tế khu vực Lương Sơn**	Tiểu khu 12, xã Lương Sơn, tỉnh Phú Thọ	7,300	140	200	12,000 đến 15,000	25,000	Dự kiến QH ra vị trí mới (đã có vị trí nghiên cứu QH)
54	**Trung tâm Y tế khu vực Lạc Sơn**	xã Lạc Sơn, tỉnh Phú Thọ	26,115	265	300	25,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng, đầu tư nâng cấp
55	**Trung tâm Y tế khu vực Lạc Thủy**	Khu 3, xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ.	10,000	158	220	12,000 đến 15,000	20,000	Dự kiến QH ra vị trí mới (đã có vị trí nghiên cứu QH)

56	**Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc**	Khu Mường Định, xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ.	14,800	200	320	25,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng, đầu tư xây mới
57	**Trung tâm Y tế khu vực Đà Bắc**	xã Đà Bắc, tỉnh Phú Thọ	12,000	142	180	12,000 đến 15,000		Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
	Trung tâm Y tế khu vực Đà Bắc cơ sở 2	xã Đức Nhàn, tỉnh Phú Thọ	4,996	-	30	3,000		
58	**Trung tâm Y tế khu vực Cao Phong**	xã Cao Phong, tỉnh Phú Thọ	6,914	100	200	12,000 đến 15,000		Đang thực hiện đầu tư xây dựng mới đồng bộ tại vị trí mới với quy mô 150 GB, diện tích đất QH là 3,3 ha, dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào hoạt động trong quý II/2026
59	**Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình**	Tổ 8, Phường Tân Hòa, tỉnh Phú Thọ	17,525	150	350	36,000		Tổ chức lại thành Bệnh viện Sản nhi Hòa Bình
60	**Trường Trung cấp Y tế Hoà Bình**	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	7,890					Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
61	**Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em Hòa Bình**	Tổ 3 phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	48,131					Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
62	**Bệnh viện Ung bướu tỉnh Phú Thọ**	Phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ			1,000	40,000	100,000	Dự kiến QH đầu tư tại vị trí mới (đã có vị trí nghiên cứu QH)

63	**Bệnh viện Phổi 74**	Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ		495	495			Giữ nguyên diện tích đất hiện trạng
B	**CÁC BỆNH VIỆN THUỘC CÁC BỘ, NGÀNH**							
1	**Bệnh viện Quân Y 109**	Phường VĩnhYên, tỉnh Phú Thọ		305				
2	**Bệnh viện Công an tỉnh Phú Thọ**	Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ		100				
C	**KHỐI CÁC BỆNH VIỆN NGOÀI CÔNG LẬP**							
I	**Các bệnh viện đang hoạt động**							
1	**Bệnh viện đa khoa Việt Đức**	Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ		350				
2	**Bệnh viện đa khoa Hùng Vương**	xã Chí Đám, tỉnh Phú Thọ		400				
3	**Bệnh viện Mắt Sài Gòn Phú Thọ**	Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ		14				
4	**Bệnh viện hữu nghị Lạc Việt**	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ		370				
5	**Bệnh viện hữu nghị Lạc Việt Phúc Yên**	Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ		60				
6	**Bệnh viện Vĩnh Phúc VPI**	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ		79				

7	**Bệnh viện Mắt Trường phúc**	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ		21				
8	**Bệnh viện Mắt Hà Nội - Vĩnh Phúc**	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ		10				
9	**Bệnh viện đa khoa Nam Lương Sơn**	Xóm Đồng Sương, Xã Liên Sơn, tỉnh Phú Thọ		44				
10	**Bệnh viện Mắt Thái Hà Hòa Bình**	Phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ		21				

Phụ lục 10

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN NGÀNH Y TẾ GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự kiến tổng nguồn lực					Ghi chú
		Tổng cộng	Từ NSNN		Từ nguồn thu sự nghiệp		
			NSĐP	NSTW	Chi ĐTPT	Chi thường xuyên	
Tổng cộng		**28,198**	**8,968**	**17,030**	**500**	**1,700**	
1	**Chi đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng của các cơ quan, đơn vị trong ngành y tế (QLNN, Bệnh viện, Trung tâm y tế, Trung tâm đơn chức năng, Trung tâm đa chức năng, Trạm y tế, Phòng khám đa khoa…)**	**22,173**	**5,143**	**17,030**			
1.1	**Các dự án đã hoàn thành**	**37**	**37**				
1.2	**Các dự án chuyển tiếp**	**1,622**	**557**	**1,065**			
-	Đầu tư Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	19	19				
-	Đầu tư trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám và điều trị cho các đơn vị y tế (thuộc khu vực Vĩnh Phúc cũ)	228	228				
-	Đầu tư mua sắm Hệ thống gia tốc tuyến tính xạ trị ung thư và máy chụp cắt lớp vi tính mô phỏng cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình	149	149				
-	Đầu tư xây mới nhà khoa Dược kết hợp khoa Dinh dưỡng và khoa Chống nhiễm khuẩn tại Bệnh viện Y học cổ truyền Hòa Bình	29	29				
-	Đầu tư, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình	40	40				

-	Tăng cường năng lực hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	1,081	82	999			ODA
-	Cung cấp thiết bị y tế cho TTYT khu vực Lạc Thủy, sử dụng vốn ODA của Ngân hàng XNK Hàn Quốc	76	10	66			ODA
1.3	**Các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030**	**20,504**	**4,539**	**15,965**			
-	Thành lập và Xây dựng Bệnh viện Ung bướu tỉnh Phú Thọ đảm nhận chức năng vùng giai đoạn đến năm 2030	6,805		6,805			Dự án trọng điểm liên vùng NSTW
-	Nâng cấp, phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ thành bệnh viện thực hiện chức năng vùng giai đoạn đến năm 2030	5,496		5,496			Dự án trọng điểm liên vùng NSTW
-	Nâng cấp, phát triển Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ đảm nhận chức năng vùng giai đoạn 2026-2030	1,663		1,663			Dự án trọng điểm liên vùng NSTW
-	Đầu tư thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	161		161			CTMTQG
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, mua sắm thiết bị cho 04 Trung tâm đơn chức năng thuộc khối bảo trợ xã hội	203		203			CTMTQG
-	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở chính và mua sắmt thiết bị cho các trạm y tế cấp xã và các điểm y tế cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	1,637		1,637			CTMTQG
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất Bệnh viện PHCN Vĩnh Phúc	77	77				
-	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin tại Sở Y tế và một số đơn vị trực thuộc	117	117				
-	Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất tại Trung tâm Y tế khu vực Hạ Hòa	160	160				

-	Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất tại Trung tâm Y tế khu vực Lâm Thao	160	160				
-	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất tại Trung tâm Y tế khu vực Thanh Thủy	200	200				
-	Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Y tế khu vực Đoan Hùng	160	160				
-	Đầu tư nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	55	55				
-	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và công trình phụ trợ thuộc Trung tâm Y tế khu vực Thanh Ba	100	100				
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng và một số hạng mục phụ trợ tại Trung tâm Y tế khu vực Phù Ninh	110	110				
-	Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Vĩnh Phúc	300	300				
-	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng cơ sở vật chất Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Tường	272	272				
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm Y tế khu vực Tam Dương	338	338				
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Giao thông Vĩnh Phúc (Giai đoạn 1)	160	160				
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Hòa Bình	160	160				
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Y tế khu vực Tân Lạc	230	230				
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm Y tế khu vực Mai Châu	160	160				
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm Y tế khu vực Lạc Sơn	160	160				
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm Y tế khu vực Kim Bôi	160	160				

-	Xây dựng Trung tâm Răng - Hàm - Mặt thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	70	70				
-	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Sản Nhi Hòa Bình (trên cơ sở tổ chức lại, nâng cấp Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình)	250	250				
-	Xây dựng, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất của 09 cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế tại khu vực Phú Thọ	460	460				
-	Xây dựng, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất của BVĐK Phúc Yên, BV YDCT Vĩnh Phúc và BV Phổi 74	400	400				
-	Xây dựng, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất của các TTYT khu vực: Lương Sơn, Đà Bắc, Yên Thủy	280	280				
1.4	**Vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án hoàn thành sau năm 2030**	**10**	**10**				
-	Xây mới Trung tâm Ung bướu, Tim mạch tại Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc	5	5				
-	Xây mới Bệnh viện Đa khoa Phúc Yên	5	5				
2	**Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, chuyển đổi số; xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ cho đơn vị đào tạo khối ngành sức khỏe (Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ)**	**1,325**	**1,325**				
3	**Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng và mua sắm, sữa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn từ nguồn chi thường xuyên tại các đơn vị trong ngành Y tế**	**4,200**	**2,500**			**1,700**	
4	**Chi đầu tư phát triển từ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị Sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế**	**500**			**500**		

Phụ lục 11

DANH MỤC CÁC CHÍNH SÁCH, ĐỀ ÁN CẦN BAN HÀNH ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TỔNG THỂ

(Kèm theo Quyết định số: 1469/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Cơ quan ban hành	Kết quả, sản phẩm	Ghi chú
I	**Các chính sách**						
1	Nghị quyết quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan	Năm 2026	HĐND tỉnh	Nghị quyết HĐND	
II	**Các Đề án/Chương trình**						
1	Đề án Nâng cấp, phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ đảm nhận chức năng vùng Giai đoạn đến năm 2030	Sở Y tế	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Việt Trì và các Sở, ngành có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	
2	Đề án Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Phú Thọ đảm nhận chức năng bệnh viện chuyên khoa ung bướu vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn đến năm 2030	Sở Y tế	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Việt Trì và các Sở, ngành có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	
3	Đề án Nâng cấp, phát triển bệnh viện Sản nhi tỉnh Phú Thọ đảm nhận chức năng bệnh viện chuyên khoa sản nhi vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn đến năm 2030	Sở Y tế	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Việt Trì và các Sở, ngành có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	

4	Đề án giải thể Trung tâm Y tế khu vực Việt trì, chuyển chức năng, nhiệm vụ phòng bệnh, dân số, truyền thông giáo dục sức khỏe về các trạm y tế trên địa bàn thực hiện.	Sở Y tế	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	
5	Đề án Tổ chức, sắp xếp lại Bệnh viện đa khoa Hòa Bình và Trung tâm Y tế khu vực Hòa Bình thành Bệnh viện đa khoa Hòa Bình và Bệnh viện Sản nhi Hòa Bình	Sở Y tế	Sở Nội Vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	
6	Đề án phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện	Sở Y tế	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	
7	Đề án đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng trí tuệ nhân tạo, xây dựng và khai thác kho dữ liệu điện tử chuyên ngành y tế để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và hiệu quả quản lý y tế, hướng tới y tế thông minh giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	
8	Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2035	Sở Y tế	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh	
9	Đề án Phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Y tế	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các xã phường và các đơn vị có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	
10	Đề án Thành lập trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Phú Thọ trên cơ sở sáp nhập và phát triển Trường Cao đẳng y tế Phú Thọ, trường Trung cấp Y tế Hòa Bình và khoa Y trường Cao đẳng Vĩnh Phúc	Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	Năm 2026	UBND tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	